

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN

**BIẾN ĐỔI VĂN HÓA  
TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
VÙNG ĐÔ THỊ HÓA**

(Nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh Khai, Hà Nội)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHÂN HỌC

HÀ NỘI, 2013

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN

**BIẾN ĐỔI VĂN HÓA  
TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
VÙNG ĐÔ THỊ HÓA**

(Nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh Khai, Hà Nội)

**CHUYÊN NGÀNH NHÂN HỌC VĂN HÓA  
MÃ SỐ: 62.31.65.01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHÂN HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

- 1. PGS.TS. LÂM BÁ NAM**
- 2. TS. ĐÀO THỊ MINH HƯƠNG**

**HÀ NỘI, 2013**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Cơ sở đào tạo Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tôi được học tập các chương trình nghiên cứu sinh khóa 2008 - 2012 và hoàn thành bản Luận án này.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn cán bộ UBND và nhân dân hai địa bàn Luận án nghiên cứu (phường Định Công, quận Thanh Xuân và xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội) đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình điền dã, khảo sát thu thập tư liệu viết Luận án từ năm 2008-2012; các bạn sinh viên năm thứ 4 (khóa 29) khoa Xã hội học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã giúp tôi thực hiện phỏng vấn bảng hỏi định lượng năm 2011.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tập thể giáo viên hướng dẫn: **PGS.TS. Lâm Bá Nam** và **TS. Đào Thị Minh Hương** đã tận tình hướng dẫn tôi trong việc định hướng nội dung nghiên cứu, phương pháp tiếp cận nghiên cứu, thu thập tư liệu và những ý tưởng khoa học để tôi có thể hoàn thành tốt Luận án nghiên cứu này.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013*

**Nghiên cứu sinh**

**Nguyễn Đình Tuấn**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản Luận án tiến sĩ “*Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân cư vùng đô thị hóa*” (Nghiên cứu trường hợp tại phường Định Công và xã Minh Khai, Hà Nội) là do tôi viết. Các số liệu, kết quả nêu trong Luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013*

**Tác giả viết Luận án**

**Nguyễn Đình Tuấn**

# MỤC LỤC

	Trang
<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài luận án	1
2. Mục đích nghiên cứu của luận án	2
3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu của luận án	2
4. Đóng góp của luận án	4
5. Nguồn tài liệu của luận án	5
6. Bố cục luận án	5
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu</b>	<b>6</b>
1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài	6
1.1.2. Nghiên cứu trong nước	8
<b>1.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu</b>	<b>18</b>
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản	18
1.2.2. Một số lý thuyết nghiên cứu về biến đổi văn hóa	26
1.2.3. Phương pháp nghiên cứu	31
<b>CHƯƠNG 2: BIẾN ĐỔI KINH TẾ, XÃ HỘI Ở PHƯỜNG ĐỊNH CÔNG VÀ XÃ MINH KHAI - CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BIẾN ĐỔI VĂN HÓA</b>	<b>36</b>
<b>2.1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển Hà Nội</b>	<b>36</b>
2.1.1. Phát triển đô thị ở Hà Nội trước thời kỳ Đổi mới	36
2.1.2. Phát triển đô thị ở Hà Nội từ 1986 đến nay	39
<b>2.2. Biến đổi kinh tế - xã hội ở phường Định Công và xã Minh Khai</b>	<b>41</b>
2.2.1. Định Công và Minh Khai trong quá trình hình thành và phát triển	41
2.2.2. Định Công và Minh Khai trong quá trình đô thị hóa	51
<b>CHƯƠNG 3: BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở PHƯỜNG ĐỊNH CÔNG VÀ XÃ MINH KHAI TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA</b>	<b>68</b>
<b>3.1. Biến đổi trong quan hệ gia đình, họ hàng và cộng đồng</b>	<b>68</b>
3.1.1. Biến đổi trong quan hệ gia đình	68
3.1.2. Biến đổi trong quan hệ họ hàng	78

3.1.3.	Biến đổi trong quan hệ hàng xóm, láng giềng	82
<b>3.2.</b>	<b>Biến đổi một số giá trị trong hôn nhân gia đình</b>	<b>92</b>
3.2.1.	Trong hôn nhân	92
3.2.2.	Trong quan niệm về số con và giá trị con trai	101
<b>3.3.</b>	<b>Biến đổi trong phong tục cưới xin, tang ma</b>	<b>105</b>
3.3.1.	Biến đổi trong tổ chức cưới xin	106
3.3.2.	Biến đổi trong tổ chức tang ma	109
<b>3.4.</b>	<b>Biến đổi trong tổ chức lễ hội và sử dụng thời gian rỗi vào giải trí</b>	<b>113</b>
3.4.1.	Biến đổi trong tổ chức lễ hội	113
3.4.2.	Biến đổi trong sử dụng thời gian rỗi vào giải trí	119
<b>CHƯƠNG 4</b>	<b>KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN</b>	<b>127</b>
4.1.	Những kết quả nghiên cứu	127
4.2.	Kiến nghị	133
4.3.	Gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo	136
	<b>KẾT LUẬN</b>	<b>137</b>
	Danh mục các công trình đã công bố của tác giả	140
	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>141</b>
	<b>PHỤ LỤC</b>	<b>151</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Bảng 2.1.</b>	Tỷ lệ dân số nội thành Hà Nội từ 1990-2011	40
<b>Bảng 2.2.</b>	Loại nhà tắm các hộ gia đình tại hai địa bàn nghiên cứu sử dụng hiện nay và 10 năm trước	59
<b>Bảng 2.3.</b>	Phương tiện sinh hoạt trong gia đình hiện nay và 10 năm trước	60
<b>Bảng 2.4.</b>	Dân số Định Công từ 2001 - 2011	62
<b>Bảng 2.5.</b>	Đánh giá về tình trạng thanh, thiếu niên mắc vào các tệ nạn xã hội hiện nay so với 10 năm trước	65
<b>Bảng 3.1.</b>	Số thế hệ sống trong gia đình hiện nay và 10 năm trước ở Định Công và Minh Khai	69
<b>Bảng 3.2.</b>	Đánh giá của người dân về các mối quan hệ trong gia đình hiện nay so với 10 năm trước	71
<b>Bảng 3.3.</b>	So sánh các hoạt động của dòng họ ở Định Công và Minh Khai hiện nay so với 10 năm trước	78
<b>Bảng 3.4.</b>	Mức độ nhờ sự giúp đỡ của họ hàng khi gia đình có việc lớn hiện nay và 10 năm trước	82
<b>Bảng 3.5.</b>	Mức độ nhờ hàng xóm giúp đỡ khi gia đình có công việc quan trọng	89
<b>Bảng 3.6.</b>	Khoảng tuổi kết hôn lần đầu trước năm 2002 và từ 2002 đến nay ở Định Công và Minh Khai	93
<b>Bảng 3.7.</b>	Nơi ở của vợ/chồng khi kết hôn lần đầu	97
<b>Bảng 3.8.</b>	Đánh giá của người trả lời về giá trị con trai	105
<b>Bảng 3.9.</b>	Nhận định việc tổ chức đám cưới hiện nay so với 10 năm trước	106
<b>Bảng 3.10.</b>	Nhận định việc tổ chức tang ma hiện nay so với 10 năm trước	109
<b>Bảng 3.11.</b>	Mức độ sử dụng thời gian rỗi hiện nay và 10 năm trước vào các hoạt động ngoài gia đình	122

## DANH MỤC CÁC HÌNH

<b>Hình 2.1.</b>	Loại nhà hiện nay và 10 năm trước	57
<b>Hình 2.2.</b>	Mục đích sử dụng tiền bán đất của các hộ gia đình	64
<b>Hình 3.1.</b>	Mức độ xem tivi cùng của các thành viên trong gia đình hiện nay và 10 năm trước	75
<b>Hình 3.2.</b>	So sánh giữa hai địa bàn nghiên cứu khi đánh giá về mối quan hệ hàng xóm, láng giềng hiện nay so với 10 năm trước	83
<b>Hình 3.3.</b>	Đánh giá về tính gắn kết cộng đồng hiện nay so với 10 năm trước tại hai địa bàn nghiên cứu	91
<b>Hình 3.4.</b>	Tuổi kết hôn trung bình thành thị, nông thôn và kết quả của luận án	94
<b>Hình 3.5.</b>	Tiêu chí chọn bạn đời của những người đã kết hôn trước năm 2002 và từ 2002 đến nay	98
<b>Hình 3.6.</b>	Đánh giá về tổ chức đám cưới hiện nay so với 10 năm trước ở hai địa bàn nghiên cứu	109
<b>Hình 3.7.</b>	Đánh giá về tổ chức đám tang hiện nay so với 10 năm trước ở hai địa bàn nghiên cứu	113
<b>Hình 3.8.</b>	Mức độ thường xuyên (hàng ngày) sử dụng thời gian rỗi vào việc giải trí thông qua truyền thông hiện nay và 10 năm trước	120
<b>Hình 3.9.</b>	So sánh giữa kết quả khảo sát tại hai địa bàn nghiên cứu về mức độ thường xuyên (hàng ngày) sử dụng thời gian rỗi vào việc giải trí thông qua truyền thông	121



## DANH MỤC CÁC HỘP

<b>Hộp 3.1.</b>	Mong muốn sống độc lập của người dân	70
<b>Hộp 3.2.</b>	Khả năng thích nghi với những thay đổi trong sinh hoạt của người dân	77
<b>Hộp 3.3.</b>	Cảm nhận của người dân về quan hệ hàng xóm, láng giềng hiện nay	88
<b>Hộp 3.4.</b>	Thay đổi trong tiêu chí lựa chọn người bạn đời	99
<b>Hộp 3.5.</b>	Thay đổi trong quan niệm về số con	102
<b>Hộp 3.6.</b>	Câu chuyện về giá trị con trai	103
<b>Hộp 3.7.</b>	Người lớn tuổi với những điều cấm kỵ trong lễ hội làng	118
<b>Hộp 3.8.</b>	Sử dụng thời gian rỗi đi “shopping” của người dân vùng đô thị hóa	124

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Đô thị hóa là một quy luật tất yếu của quá trình phát triển xã hội và diễn ra ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Quá trình đô thị hóa thường diễn ra theo hai giai đoạn, giai đoạn đô thị hóa theo chiều rộng và đô thị hóa theo chiều sâu. Đô thị hóa theo chiều rộng diễn ra tại các quốc gia có nền công nghiệp đang phát triển. Tại đó có sự tăng lên về số lượng đô thị, sự mở rộng lãnh thổ của các đô thị và sự gia tăng dân số. Còn đô thị hóa theo chiều sâu diễn ra ở các nước có nền công nghiệp phát triển và các quốc gia này hầu hết đã trải qua giai đoạn đô thị hóa theo chiều rộng. Đô thị hóa theo chiều sâu chú ý đến chất lượng tiêu chuẩn sống, tính đa dạng của các kiểu mẫu văn hóa và nhu cầu hưởng thụ của cư dân đô thị... Việt Nam nằm trong nhóm các nước có nền công nghiệp đang phát triển, do đó, đô thị hóa ở nước ta hiện nay chủ yếu diễn ra theo chiều rộng và có những đặc trưng riêng của Việt Nam.

Ở Việt Nam, từ cuối những năm 90 trở lại đây, quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng rộng về quy mô và nhanh về tốc độ. Quá trình đô thị hóa nhanh đã làm nhiều vùng nông thôn trở thành đô thị và sự mở rộng lãnh thổ của nhiều đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng... Đô thị hóa diễn ra kéo theo những biến đổi trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội từ cơ cấu tổ chức xã hội, phương thức sản xuất, cơ cấu nghề nghiệp, phân bố dân cư... cho đến đời sống văn hóa của người dân vùng đô thị hóa. Về thực chất thì đây là quá trình dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu tổ chức xã hội nông thôn sang tổ chức xã hội đô thị, từ hoạt động nông nghiệp là chủ yếu sang hoạt động phi nông nghiệp... và từ những khuôn mẫu của đời sống văn hóa nông thôn sang văn hóa đô thị. Những tác động của đô thị hóa đã và đang tạo nên một bức tranh đa dạng về vùng đô thị hóa.

Cùng với tốc độ đô thị hóa của cả nước, quá trình đô thị hóa ở Hà Nội trong những năm gần đây cũng đang diễn ra một cách nhanh chóng. Quá trình này đã khiến nhiều khu vực ven đô chuyển thành nội đô và nhiều làng xã trở thành phố phường. Quá trình đô thị hóa một mặt đã có những tác động tích cực làm thay đổi bộ mặt của